TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/HS- ST
Ngày 30-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hoa
Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý 242/2022/TLST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Minh T, sinh năm 1995; tại huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Minh M và bà: Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị Th và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/9/2022 đến ngày 21/9/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại: Chị Lê Thị H, sinh năm 2003; cư trú tại: Thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Ư sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Anh Lê Minh M, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người làm chứng:

1.Anh Dương Văn H (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Hồng T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T- sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang làm công nhân tại Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) thuộc Khu công nghiệp V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang từ ngày 07/9/2022. Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 13/9/2022, sau khi kết thúc ca làm việc, T đi xuống khu vực tủ để đồ của công nhân dưới tầng 1 của xưởng B12 trong Công ty N. Tới mở tủ đồ cá nhân số "484" của mình để lấy đồ, phát hiện thấy tủ đồ số "485" ở vị trí bên dưới tủ đồ của Tới không khóa bằng ổ khóa mà chỉ buộc tai khóa bằng dây đeo khẩu trang (đây là tủ đồ của chị Lê Thị H- sinh năm 2003, trú tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang), quan sát xung quanh thấy không có người nên T cúi xuống vị trí tủ đồ của chị H, dùng tay phải tháo dây khẩu trang, mở cánh tủ đồ kiểm tra bên trong tủ phát hiện có 01 túi xách bằng da màu ghi, có họa tiết đen, không kéo khóa bên trong túi có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng. T dùng tay phải lấy chiếc điện thoại ở trong túi xách ra, thấy một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng kẹp theo, T cầm điện thoại, tiền cất giấu vào túi quần bên trái phía trước đang mặc, T đóng cánh cửa tủ đồ rồi đi ra nhà để xe của Công ty. Trên đường đi ra nhà để xe, T tháo chiếc sim điện thoại trong máy điện thoại vừa trộm cắp được vứt đi (T khai không nhớ cụ thể vị trí vứt chiếc sim trên). T lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh- đen- bạc, biển kiểm soát 99G1- 313.40 điều khiển ra về. Trên đường về, đi đến gần khu vực chân cầu vượt Đ, thị trấn N, huyện V, T dừng xe mô tô cất giấu điện thoại vừa trộm cắp được vào cốp xe, tiền để trong túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô về nhà. Về đến nhà, T để tài sản trộm cắp được trong cốp xe, không nói cho ai biết. Do máy điện thoại của chị H có khóa mật khẩu màn hình, không mở được nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/9/2022, T nhắn tin cho anh Nguyễn Hồng T1- sinh năm 1993, trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (anh T1 là bạn của T, hiện đang làm thuê tại cửa hàng điện thoại di động "Ư" tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang) hỏi anh T1 có quen ai biết cách phá khóa mật khẩu không và giá phá khóa. Anh T1 hỏi trên mạng xã hội Facebook (hiện anh T1 không nhớ hỏi tài khoản Facebook nào) thì được biết chi phí phá mật khẩu là 3.000.000 đồng, anh T1 thông báo với T và gửi số điện thoại của T cho người nhận phá mật khẩu để T tự giao dịch. T tiếp tục hỏi anh T1 giá bán máy nếu không phá được mật khẩu thì anh T1 hẹn T mang máy đến cửa hàng điện thoại của anh Ư kiểm tra cụ thể, T đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 14/9/2022, T mang điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax đến gặp anh T1, anh Ư tại cửa hàng điện thoại "Ư". Tại đây, T nói dối anh T1, anh Ư là điện thoại của T, do quên mật

khẩu nên muốn bán. Anh T1 muốn mua lại máy của T nên nhờ anh Ư kiểm tra hộ, anh Ư kiểm tra xong, nói với anh T1 có thể mua được xác máy về lấy linh kiện (do không mở được mật khẩu). Anh T1 thỏa thuận mua lại máy điện thoại do T mang đến với giá 4.000.000 đồng và được T đồng ý. Anh T1 vay anh Ư 4.000.000 đồng để trả cho T, anh Ư đưa cho T 500.000 đồng tiền mặt, còn 3.500.000 đồng dùng tài khoản số 1015643434 của mình mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển vào tài khoản số 102874735814 của T mở tại Ngân hàng Viettinbank. Sau khi nhận đủ tiền, T giao máy cho anh T1 rồi đi về. Toàn bộ số tiền bán điện thoại và số tiền 500.000 đồng trộm cắp được, T chi tiêu cá nhân hết 4.050.000 đồng, còn giữ lại 450.000 đồng trên người.

Sau khi tan ca làm việc, chị Lê Thị H ra tủ đồ cá nhân của mình phát hiện bị mất tài sản nên ngày 14/9/2022, chị H có đơn trình báo Đồn Công an Q. Cùng ngày, T đến Công an Q đầu thú, giao nộp gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc; 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank; 01 căn cước công dân mang tên Lê Minh T, số tiền 450.000 đồng và 01 xe mô tô 99G1- 313.40. Đồn Công an Q chuyển hồ sơ vụ việc, vật chứng, đối tượng Tới đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 14/9/2022, anh Ư tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại Iphone 11 Promax do T mang đến bán (do anh T1 vẫn để điện thoại tại cửa hàng). Cơ quan điều tra cho chị H xem chiếc điện thoại anh Ư giao nộp, chị H xác nhận là điện thoại của mình do ảnh đại diện của chị và chồng trên màn hình và chị H nhập được mật khẩu mở máy.

Ngày 14/9/2022, Cơ quan điều tra cho anh T1, anh Ư nhận dạng T, anh T1, anh Ư đều xác định T là người mang điện thoại đến cửa hàng để bán. Cơquan điều tra kiểm tra điện thoại của anh T1, phát hiện đoạn tin nhắn trong ứng dụng Messeger giữa T và anh T1 liên quan đến việc T hỏi anh T địa chỉ phá khóa mật khẩu, bán điện thoại và giá tiền, Cơ quan điều tra trích sao hình ảnh cuộc hội thoại ra giấy A4. Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại của anh Ư phát hiện lịch sử giao dịch chuyển tiền trên ứng dụng Ngân hàng phù hợp với lời khai của T, anh Ư.

Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường, hiện trường được xác định tại khu vực tủ đồ tại tầng 1 xưởng B12 của Công ty N. Phòng tủ đồ có kích thước (7,9x20)m, cửa ra vào hướng Tây gồm hai cánh mở ra ngoài, kích thước (2x2,35)m. Trong phòng có nhiều dãy tủ bằng kim loại. Kiểm tra dãy tủ giáp tường phía Tây, bên trái cửa ra vào theo hướng nhìn từ trong ra, thấy có 07 dãy tủ đặt sát nhau, dài 07 mét. Xem xét tủ đồ thứ 3 tính từ Bắc tới Nam, có chữ "tủ đồ số 15" thấy: TT gồm 32 ngăn nhỏ, mỗi ngăn có kích thước (24x23,5x45)cm, Tới và bị hại xác định vị trí ngăn tủ có đánh số "485" là nơi để tài sản bị trộm cắp.

Ngày 15/9/2022, Cơ quan CSĐT- Công an huyện V yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V xác định giá trị tài sản trộm cắp.

Tại kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐGTS ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng gold, dung lượng bộ nhớ 64GB, có giá trị 11.000.000 đồng; 01 phôi sim mạng di động Viettel có giá trị 25.000 đồng.

Cáo trạng số 242/CT- VKS ngày 18 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Minh T về tội " *Trộm cắp tài sản* " theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo trình bày thêm chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng ngày 13/9/2022 là của vợ bị cáo có trước khi kết hôn với bị cáo. Bị cáo mượn xe của vợ, bị cáo không nói sử dụng đi trộm cắp tài sản. Bị cáo trộm cắp điện thoại của chị H vợ bị cáo không biết, tiền bán điện thoại bị cáo chi tiêu cá nhân, không chi tiêu trong gia đình. Bị cáo đầu thú tự nguyện nộp số tiền 450.000 đồng trả lại bị hại. Bị cáo tác động gia đình nên anh Mạnh là anh trai của bị cáo hoàn trả tiền cho anh Ư.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

a) Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

b) Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc;

+ Trả lại bị cáo 01 thẻ Ngân hàng Vietinbank.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị Th chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99G1- 313.40.

c) Về trách nhiệm dân sự: không

Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định./.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 13/9/2022 tại tủ để đồ cá nhân số "485" ở tầng 1, xưởng B12 của Công ty TNHH N thuộc Khu công nghiệp V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Lê Minh T lợi dụng chị H không khóa tủ đồ, không có người trông coi, bị cáo lén lút lấy điện thoại và tiền của chị H, tài sản có tổng giá trị 11.525.000 đồng, bao gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng gold, dung lượng bộ nhớ 64GB, có giá trị 11.000.000 đồng; 01 phôi sim mạng di động Viettel có giá trị 25.000 đồng và số tiền 500.000 đồng của chị Lê Thị H- sinh năm 2003, trú tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản .Cáo trạng số 242/CT- VKS ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Lê Thị H được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại các công ty ở khu công nghiệp. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú; đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục hậu quả, trả lại tài sản cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; sau khi phạm tội ra đầu thú Áp dụng điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[5] *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] *Xét về hình phạt bổ sung*: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng . Xét thấy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Anh Tú, anh Ư là người mua điện thoại của T nhưng anh T1, anh Ư đều không biết tài sản do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[9] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99G1- 313.40 thu giữ của bị cáo Tới đã sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp; quá trình điều tra xác định là tài sản riêng hợp pháp của chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998 (vợ của T) mua trước khi kết hôn, chị Th cho T mượn để làm phương tiện đi lại, không biết T sử dụng phạm tội nên không vi phạm pháp luật.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại nhận lại tài sản, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền hoàn trả, anh Lê Minh M không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền bồi thường cho bị hại. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về vật chứng*:

[11.1] 01 căn cước công dân mang tên Lê Minh T là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 21/9/2022, Cơ quan điều tra trả lại bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Lê Minh T; trả lại chị H gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng gold, dung lượng bộ nhớ 64GB và số tiền 450.000 đồng là đúng pháp luật.

[11.2] 01 di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc là tài sản của bị cáo Tới sử dụng vào việc phạm tội căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[11.3] 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank mang tên Lê Minh T là tài sản của bị cáo, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 99G1- 313.40 là tài sản của chị Th không liên quan đến việc phạm tội, căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo và trả lại chị Thúy.

[12] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về áp dụng điều luật**:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 65điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106, các Điều 292, 293, 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 09 (chín) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, hoàn trả, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về vật chứng*:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc.

3.2. Trả lại bị cáo 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank mang tên Lê Minh Tới; trả lại chị Nguyễn Thị Th 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 99G1-313.40

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa Công an huyện Việt Yên và Chi cục thi hành án dân sự huyện V)

4**.** *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơinhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu HS.VP;
- Công an Việt Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương